TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Giữ.
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Ông Phạm Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 03, ấp VT, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bá T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 15, ấp HL, xã ĐHC, huyện CP, tỉnh An Giang.

(Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Võ Thị T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Bá T2 do mai mối nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHC. Sau khi kết hôn, chị với anh T2 chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường tranh cãi làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và anh T2 thường đánh chị vô cớ, hiện chị và anh T2 đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

- Về con chung: Chị và anh T2 có một con chung tên Nguyễn Nhi Ngọc H, sinh ngày 02/01/2012. Chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Bá T2 vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đều thực hiện tuân theo pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên họp và tại phiên tòa không lý do là không tuân theo pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú nhận thấy yêu câu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung giao cho chị T1 nuôi dạy là hợp lý, về cấp dưỡng nuôi con do chị T1 không yêu cầu, nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị Võ Thị T1 yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Bá T2. Con chung có 01 con chung tên Nguyễn Nhi Ngọc H, sinh ngày 02/01/2012, chị T1 yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về Trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên chị Võ Thị T1 làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá Trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt lần không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T2 là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Võ Thị T1 và anh Nguyễn Bá T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, do vậy tại phiên tòa hôm nay, chị T1 yêu cầu xin ly hôn với anh T2, anh T2 vắng mặt nhiều lần không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 thật sự đã đổ vỡ, nguyên nhân do anh T2 không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường hay cải vã gây mất hạnh phúc vợ chồng, anh T2 thường hay đánh chị, hơn nữa Tòa án triệu tập anh T2 tham gia phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn, nhưng anh T2 cố tình vắng mặt, đều này thể hiện anh T2 không muốn đoàn tụ gia đình và vợ chồng đã sống ly thân trên một năm nay, tại biên bản xác minh cũng xác định giữa vợ chồng chị T1 và anh T2 quá Trình chung sống thường hay mâu thuẩn, nên đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, do vậy việc chị T1 xin ly hôn với anh T2 là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Nhi Ngọc H, sinh ngày 02/01/2012, hiện con chung đang sống với chị T1, chị T1 xin nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu H sống ổn định với chị T1 và được chị T1 chăm sóc tốt, hơn nữa chị T1 cũng có công việc ổn định nên tiếp tục giao con chung cho chị T1 nuôi dạy là hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu xin ly hôn của chị T1 được chấp nhận, nên chị T1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí chị T1 phải chịu nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017690 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 235, Điều 233 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị T1 đối với anh Nguyễn Bá T2.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Nhi Ngọc H, sinh ngày 02/01/2012 cho chị T1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T2 được quyền thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T1 phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0017690 ngày 02/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, chị T1 đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND xã Đào Hữu Cảnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu